

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HS-ST
Ngày: 09 - 01 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Bùi Đình Thông

Thẩm phán: Bà Trần Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thái Linh, ông Nguyễn Tất Thê, bà Nguyễn Thị Tùng Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Thuần – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Phan Thanh Nam - Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 53/TLST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2019/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo:

Đỗ Thị Thu H; tên gọi khác: Không; giới tính: Nữ; sinh ngày: 03/12/1993; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; con ông Đỗ Văn C và bà Ngô Thị K; Chồng: Nguyễn Văn C (đã ly hôn); Con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/8/2019 đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

*** Luật sư bào chữa cho bị cáo:** Ông Phan Văn Chương, Văn phòng Luật sư Văn Chương, Đoàn Luật sư tỉnh Hà Tĩnh.

*** Những người bị hại:**

1. Chị Nguyễn Thị M1; Sinh năm: 1974; Trú tại: Thôn B, xã T, huyện H, Hà Tĩnh. (Có mặt)

2. Anh Trần Quốc T; Sinh năm: 1994; Trú tại: Thôn B, xã T, huyện H, Hà Tĩnh. (Có mặt)

3. Chị Trần Thị M2; Sinh năm: 1968; Trú tại: Thôn L, xã T, huyện L, Hà Tĩnh. (Có mặt)

****Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ngô Thị K, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện V, tỉnh Bắc Giang. *(Vắng mặt có đơn)*

2. Nguyễn Thành L, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn Liên Tân, xã Thạch Kim, huyện L, Hà Tĩnh. *(Vắng mặt có đơn)*

3. Nguyễn Thị B, sinh năm 1999; địa chỉ: Thôn Bắc Hải, xã T, huyện H, Hà Tĩnh. *(Có mặt)*

**** Những người tham gia tố tụng khác:***

1. Nguyễn Văn H, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn Bắc Hải, xã T, huyện H, Hà Tĩnh. *(Có mặt)*

2. Hoàng Văn T, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn Bắc Hải, xã T, huyện H, Hà Tĩnh. *(Vắng mặt có đơn)*

3. Nguyễn Thị H, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn Bắc Hải, xã T, huyện H, Hà Tĩnh. *(Có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 9/2016, sau khi từ Nhật Bản về, Đỗ Thị Thu H có đến nhà của anh Hoàng Văn T, sinh năm 1995, trú tại xã T, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh (là bạn của H) chơi, nên quen biết với một số người thân, bạn bè của anh T trong đó có bà Nguyễn Thị M1 (sinh năm 1974), anh Trần Quốc T (sinh năm 1994) cùng trú tại thôn Bắc Hải, xã T, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh và bà Trần Thị M2, sinh năm 1968, trú tại thôn Liên Tân, xã Thạch Kim, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh. Do biết H từng đi Nhật Bản, hiểu biết về quy trình, thủ tục, nghĩ là H có khả năng đưa người khác sang Nhật Bản làm việc, nên bà Nguyễn Thị M1, anh Trần Quốc T và bà Trần Thị M2 đã chủ động liên hệ nhờ H làm hồ sơ, thủ tục đưa họ và người thân sang làm việc tại Nhật Bản. Mặc dù không có chức năng, thẩm quyền và không hiểu biết về quy trình, thủ tục làm hồ sơ xuất khẩu lao động, nhưng khi những người trên đặt vấn đề, thì Đỗ Thị Thu H đã đồng ý và nói dối sẽ làm được hồ sơ xuất khẩu lao động sang Nhật Bản cho anh Trần Quốc T, người thân của bà Nguyễn Thị M1 và bà Trần Thị M2, đồng thời H yêu cầu những người này chuyển tiền cho H để chiếm đoạt. Với thủ đoạn như trên, trong khoảng thời gian từ ngày 15/5/2018 đến ngày 11/01/2019, Đỗ Thị Thu H đã nhiều lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà Nguyễn Thị M1, anh Trần Quốc T và bà Trần Thị M2 với tổng số tiền 588.437.000 đồng, cụ thể:

1. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1974, trú tại thôn Bắc hải, xã T, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh số tiền 158.520.000 đồng:

Vào năm 2016, Đỗ Thị Thu H đến nhà của anh Hoàng Văn T ở xã T, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh chơi. Tại đây, H quen biết với bà Nguyễn Thị M1 (là cô ruột của anh T) và chị Trần Thị Kim L, sinh năm 1996, hiện đang làm việc tại Thái

Lan (là con dâu của bà M1). Quá trình quen biết giữa chị Trần Thị Kim L và Đỗ Thị Thu H có kết bạn qua Facebook với nhau. Sau đó, chị Trần Thị Kim L nói với bà Nguyễn Thị M1 là H có khả năng làm hồ sơ, thủ tục cho người khác đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Nên khoảng tháng 4/2018 bà Nguyễn Thị M1 sử dụng tài khoản Facebook của chị Nguyễn Thị Kim L gọi vào Facebook của Đỗ Thị Thu H đặt vấn đề nhờ H giới thiệu làm hồ sơ, thủ tục cho chị Nguyễn Thị B (con gái bà M1) đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Một thời gian sau, Đỗ Thị Thu H gọi cho bà M1 nói dối là có công việc làm rau sạch tại trang trại của gia đình H tại Nhật Bản và buổi tối làm thêm tại cửa hàng ăn uống ở Tokyo, Nhật Bản nên bà M1 nhờ H làm hồ sơ cho chị Bình sang Nhật Bản làm việc. Đỗ Thị Thu H hứa hẹn trong thời gian 03 – 04 tháng sẽ làm xong hồ sơ, thủ tục xuất khẩu lao động cho chị B và yêu cầu bà M1 chuyển tiền để chi phí làm hồ sơ, thủ tục. Tin tưởng lời hứa hẹn của Đỗ Thị Thu H, nên trong khoảng thời gian từ ngày 15/5/2018 đến ngày 28/6/2018 bà Nguyễn Thị M1 đã 03 lần chuyển tiền cho H với tổng số tiền 158.520.000 đồng, cụ thể: Ngày 15/5/2018, bà M1 đã trực tiếp chuyển tiền vào tài khoản số 0731000764638 của Ngân hàng Vietcombank cho H với số tiền 99.900.000 đồng; ngày 19/5/2018, bà M1 nhờ chị Nguyễn Thị H (là con dâu bà M1) chuyển tiền qua dịch vụ chuyển tiền của Công ty cổ phần Thế giới di động cho Đỗ Thị Thu H số tiền 42.320.000 đồng và ngày 28/6/2018 bà M1 tiếp tục nhờ chị H chuyển vào tài khoản số 0731000764638 của Ngân hàng Vietcombank cho H số tiền 16.300.000 đồng. Sau khi nhận tiền, Đỗ Thị Thu H không làm hồ sơ, thủ tục xuất khẩu lao động cho chị Nguyễn Thị B như đã hứa hẹn mà chiếm đoạt số tiền trên. Đến khoảng tháng 8/2018, gia đình bà Nguyễn Thị M1 hỏi thì Đỗ Thị Thu H nói dối là hồ sơ chưa làm xong vì đang chờ thủ tục làm visa. Sau đó, do chờ đợi quá lâu và đã nhiều lần liên lạc với Đỗ Thị Thu H nhưng H vẫn không làm thủ tục xuất khẩu lao động cho chị B nên gia đình bà M1 yêu cầu H rút hồ sơ và hoàn trả lại tiền mà H đã nhận. Tuy nhiên, qua nhiều lần hứa hẹn, thì đến nay H vẫn không chuyển trả tiền cho gia đình bà Nguyễn Thị M1. Số tiền chiếm đoạt Đỗ Thị Thu H đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

2. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt của anh Trần Quốc T1, sinh năm 1994, trú tại thôn Bắc Hải, xã T, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh số tiền 199.567.000 đồng:

Khoảng tháng 5/2018, nghe thông tin Đỗ Thị Thu H đang làm hồ sơ, thủ tục cho chị Nguyễn Thị B đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, nên anh Trần Quốc T đã thông qua anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1989, cùng trú tại xã T, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh (quen biết với H từ trước) đặt vấn đề nhờ H làm hồ sơ cho anh T1 sang Nhật Bản làm việc, H đồng ý. Sau đó, anh T1 kết bạn Facebook và nhắn tin trao đổi trực tiếp với Đỗ Thị Thu H. Quá trình nói chuyện, Đỗ Thị Thu H hứa hẹn sẽ làm hồ sơ, thủ tục cho anh T1 sang Nhật Bản làm rau sạch và buổi tối làm thêm tại cửa hàng ăn uống ở Tokyo, Nhật Bản, khoảng 03 – 04 tháng sau sẽ làm xong hồ sơ. Sau đó, Đỗ Thị Thu H yêu cầu anh T1 phải nộp tiền để lo chi phí làm hồ sơ, thủ tục. Tin tưởng lời hứa hẹn của Đỗ Thị Thu H, nên trong khoảng thời gian từ ngày 23/5/2018 đến 26/6/2018 anh Trần Quốc T1 đã 03 lần chuyển vào tài khoản số 0731000764638 của Ngân hàng Vietcombank

cho H với tổng số tiền 199.567.000 đồng. Cụ thể: Ngày 23/5/2018 anh T1 chuyển số tiền 100.000.000 đồng, ngày 29/5/2018 chuyển số tiền 83.267.000 đồng và ngày 26/6/2018 chuyển số tiền 16.300.000 đồng. Sau khi nhận tiền, Đỗ Thị Thu H đã không làm hồ sơ, thủ tục xuất khẩu lao động cho anh T1 như đã hứa hẹn mà chiếm đoạt số tiền trên. Đến khoảng tháng 9/2018, anh Trần Quốc T hỏi thì H nói dối là hồ sơ chưa làm xong do đang chờ thủ tục visa. Sau đó, do chờ đợi quá lâu mà không làm được hồ sơ, thủ tục xuất khẩu lao động như đã hứa hẹn nên anh Trần Quốc T1 yêu cầu Đỗ Thị Thu H rút hồ sơ và hoàn trả lại tiền, nhưng H vẫn hứa hẹn mà không trả lại tiền cho anh T1. Số tiền chiếm đoạt của anh Trần Quốc T, Đỗ Thị Thu H đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

3. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt của bà Trần Thị M2, sinh năm 1968, trú tại thôn Liên Tân, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh số tiền 230.350.000 đồng:

Cũng trong khoảng thời gian vào tháng 5/2018, nghe thông tin Đỗ Thị Thu H đang làm hồ sơ, thủ tục đưa chị Nguyễn Thị B và anh Trần Quốc T sang Nhật Bản làm việc, nên bà Trần Thị M2 nhờ chị Trần Thị Kim L đặt vấn đề nhờ H làm hồ sơ, thủ tục cho anh Nguyễn Thành L (con trai bà M2) sang Nhật Bản làm việc. Chị Trần Thị Kim L nói chuyện qua Facebook với Đỗ Thị Thu H nhờ làm hồ sơ cho anh Nguyễn Thành L sang Nhật Bản làm việc, H đồng ý. Sau đó, bà Trần Thị M2 trực tiếp liên hệ với Đỗ Thị Thu H qua Facebook. Đỗ Thị Thu H nói dối với bà M2 là có công việc làm rau sạch và buổi tối làm thêm tại cửa hàng ăn uống ở Tokyo, Nhật Bản và hỏi bà M2 nếu đồng ý cho anh Nguyễn Thành L đi thì chuyển tiền để H lo chi phí. Tin tưởng lời hứa hẹn của H, nên trong 02 ngày (ngày 01/6/2018 và ngày 05/6/2018) bà Trần Thị M2 và anh Nguyễn Thành L đã 02 lần chuyển tiền vào tài khoản số 0731000764638 của Ngân hàng Vietcombank cho Đỗ Thị Thu H với tổng số tiền là 213.000.000 đồng. Cụ thể: Ngày 01/6/2018 chuyển số tiền 50.000.000 đồng và ngày 05/6/2018 chuyển số tiền 163.000.000 đồng. Sau một thời gian chờ đợi, đến khoảng tháng 9/2018 bà Trần Thị M2 hỏi kết quả làm hồ sơ, thì H nói là hồ sơ chưa làm xong do đang làm thủ tục visa. Do chờ đợi quá lâu không có kết quả, nên bà Trần Thị M2 yêu cầu H hủy hồ sơ và hoàn trả lại tiền, thì H nói phải chờ 03 tháng sau mới lấy lại được tiền từ công ty. Đến cuối tháng 12/2018, Đỗ Thị Thu H tiếp tục đưa ra thông tin gian dối là hồ sơ làm gần xong, nếu muốn tiếp tục làm hồ sơ thì nộp thêm tiền phạt vì đã rút hồ sơ. Bà Trần Thị M2 đã đưa cho anh Nguyễn Thành L số tiền 17.350.000 đồng để anh Luân tiếp tục chuyển tiền cho Đỗ Thị Thu H, cụ thể: Ngày 26/12/2018 chuyển 15.000.000 đồng và ngày 11/01/2019 chuyển 2.350.000 đồng. Như vậy, trong khoảng thời gian từ ngày 01/6/2018 đến ngày 11/01/2019, bà Trần Thị M2 đã 04 lần chuyển tiền cho Đỗ Thị Thu H với tổng số tiền là 230.350.000 đồng. Sau khi nhận tiền, Đỗ Thị Thu H đã không làm hồ sơ, thủ tục xuất khẩu lao động cho anh Nguyễn Thành L như đã hứa hẹn mà chiếm đoạt số tiền trên. Số tiền chiếm đoạt được Đỗ Thị Thu H đã sử dụng trả nợ và chi tiêu cá nhân hết.

Vật chứng thu giữ: Quá trình khám xét nơi ở của Đỗ Thị Thu H, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hà Tĩnh đã thu giữ một số giấy tờ, tài liệu liên quan đến việc vay tiền và trả nợ của Đỗ Thị Thu H, hiện nay đã đưa vào hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Những người bị hại yêu cầu Đỗ Thị Thu H phải trả lại toàn bộ số tiền 588.437.000 đồng mà H đã chiếm đoạt. Cụ thể: Bà Nguyễn Thị M1 158.520.000 đồng, anh Trần Quốc T1 199.567.000 đồng và bà Trần Thị M2 230.350.000 đồng. Hiện nay, bà Ngô Thị K (mẹ Đỗ Thị Thu H) đã thay H bồi thường cho những người bị hại với tổng số tiền 115.000.000 đồng, gồm: bà Nguyễn Thị M1 35.000.000 đồng, anh Trần Quốc T 40.000.000 đồng và bà Trần Thị M2 40.000.000 đồng. Số tiền còn lại 473.437.000 đồng những người bị hại yêu cầu Đỗ Thị Thu H phải tiếp tục bồi thường.

Tại bản Cáo trạng số: 70/CT- VKS- P2 ngày 14 tháng 11 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã truy tố Đỗ Thị Thu H về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt Đỗ Thị Thu H từ 12 đến 13 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị xử buộc bị cáo bồi thường đầy đủ số tiền còn lại cho những người bị hại, tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Bị cáo, những người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận.

Luật sư bào chữa cho bị cáo sau khi phân tích các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân, hoàn cảnh gia đình, động cơ, mục đích phạm tội của bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và xử phạt bị cáo mức án nhẹ nhất theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an tỉnh Hà Tĩnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng và hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đều thừa nhận tất cả các hành vi, cách thức thực hiện tội phạm của mình đúng như bản cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các lời khai khác tại phiên tòa, phù hợp với các tài liệu, các lời khai và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để khẳng định: Trong khoảng thời gian từ ngày 15/5/2018 đến ngày 11/01/2019, mặc dù không có chức năng, thẩm quyền và khả năng làm hồ sơ, thủ tục xuất khẩu lao động cho người khác. Nhưng với mục đích chiếm đoạt tài

sản của những người có nhu cầu đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản để trả nợ và chi tiêu cá nhân, nên Đỗ Thị Thu H đã đưa ra các thông tin gian dối là mình có khả năng làm hồ sơ, thủ tục xuất khẩu lao động, gia đình có trang trại trồng rau sạch ở Nhật Bản và yêu cầu người bị hại chuyển tiền chi phí làm hồ sơ nhằm chiếm đoạt tài sản của 03 người, gồm: bà Nguyễn Thị M1 số tiền 158.520.000 đồng, anh Trần Quốc T1 số tiền 199.567.000 đồng và bà Trần Thị M2 số tiền 230.350.000 đồng. Tổng số tiền Đỗ Thị Thu H chiếm đoạt là 588.437.000 đồng.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của bị cáo Đỗ Thị Thu H đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự. Vì vậy, việc truy tố và xét xử bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là đúng người đúng tội, không oan sai. Bản cáo trạng số 70/CT- VKS- P2 ngày 14 tháng 11 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã truy tố đối với Đỗ Thị Thu H là hoàn toàn chính xác. Tại phiên tòa lời luận tội của Viện kiểm sát đã đánh giá đầy đủ tính chất, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, các lập luận đối với đề nghị của vị Luật sư. Hội đồng xét xử xét thấy lời đề nghị của Viện kiểm sát về cơ bản là có căn cứ.

[4] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bằng thủ đoạn gian dối, bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, hành vi lừa đảo của bị cáo có sự chuẩn bị từ trước, thủ đoạn tinh vi làm cho những người bị hại không thể phát hiện và biết được nhằm chiếm đoạt tài sản, gây mất trật tự trị an trên địa bàn, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm minh đối với hành vi của bị cáo. Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo cũng có phần lỗi của những người bị hại do thiếu hiểu biết pháp luật, đặt vấn đề nhờ bị cáo làm hồ sơ đi xuất khẩu lao động không đúng quy định của pháp luật.

[5] Xét về nhân thân:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội nhiều lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo khai báo khá thành khẩn, nhận thức được sai phạm của mình, bà Ngô Thị K mẹ của bị cáo cũng đã thay bị cáo bồi thường một phần trách nhiệm dân sự với số tiền là 115.000.000 đồng cho những người bị hại, bị cáo có ông ngoại, bà nội, bác ruột là những người có công với nước, chú ruột là Liệt sỹ nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Xét tính chất, mức độ, hậu quả của vụ án đã ảnh hưởng xấu tới xã hội, vì vậy để đảm bảo phòng ngừa tội phạm cần phải xử lý đủ nghiêm đối với các hành vi phạm tội của bị cáo, phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian khá dài để bị cáo tự rèn luyện chính mình, sống trở thành con người có ích cho xã hội. Bị cáo hiện đang bị tạm giam, để đảm bảo cho công tác thi hành án cần tiếp tục tạm giam đối với bị cáo.

[7] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo có khai là đã nhờ một người có tên là Nguyễn Quang K ở tỉnh Bắc Ninh làm hồ sơ, thủ tục đưa người đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản và đã chuyển cho K số tiền 499.937.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy lời khai của bị cáo về một người có tên là K và bị cáo đã đưa tiền là không có căn cứ, bởi: Mối quan hệ giữa bị cáo và K (nếu có) thì cũng là mối quan hệ không thân T1, bị cáo không biết nhiều thông tin về K, cũng không biết rõ là K có khả năng làm thủ tục đưa người sang làm việc tại Nhật Bản hay không. Việc bị cáo giao cho K số tiền lớn mà không có giấy tờ giao nhận gì cũng không có ai chứng kiến trong khi bị cáo không biết rõ về K là vô lý. Những thông tin liên lạc giữa bị cáo và K (bị cáo khai là qua Zalo) là những thông tin quan trọng nhưng bị cáo cũng không lưu giữ để chứng minh việc mình có chuyển tiền cho K. Hơn nữa, bị cáo chỉ khai ra một người tên là Nguyễn Quang K sau khi cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra về hành vi phạm tội của bị cáo, còn trước đó bị cáo đều nói với những người bị hại là bị cáo trực tiếp làm hồ sơ, thủ tục đưa người sang làm việc tại Nhật Bản, gia đình bị cáo có trang trại trồng rau sạch,...chứ không hề nói đến việc bị cáo phải thông qua Khoát để làm thủ tục xuất khẩu lao động. Từ đó có thể thấy rằng, việc bị cáo khai thông qua một người có tên là Nguyễn Quang K để làm thủ tục đưa người sang Nhật Bản làm việc và đã giao tiền cho người đó (K) là không có cơ sở.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bà Ngô Thị K mẹ của bị cáo đã thay bị cáo bồi thường một phần trách nhiệm dân sự với số tiền là 115.000.000 đồng cho những người bị hại, gồm: bà Nguyễn Thị M1 35.000.000 đồng, anh Trần Quốc T1 40.000.000 đồng và bà Trần Thị M2 40.000.000 đồng. Số tiền còn lại cần áp dụng các quy định của pháp luật xử buộc bị cáo phải bồi thường đầy đủ.

[9] Bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và dân sự theo quy định của pháp luật.

[10] Bị cáo, những người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

[1] *Tuyên bố:* Bị cáo Đỗ Thị Thu H phạm tội ***“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”***.

[2] *Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự xử phạt:*

Bị cáo Đỗ Thị Thu H **13 (mười ba)** năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 21/8/2019.

[3] *Về trách nhiệm dân sự:* Áp dụng điều 48 Bộ luật hình sự các điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự.

Xử buộc: Bị cáo Đỗ Thị Thu H còn phải bồi thường tiếp cho những người bị hại số tiền còn thiếu, cụ thể: Nguyễn Thị M1 123.520.000 đồng; Trần Quốc T

159.567.000 đồng và Trần Thị M2 190.350.000 đồng. Tổng số tiền Đỗ Thị Thu H còn phải bồi thường là: 473.437.000 đồng.

[4] Về án phí: Căn cứ điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 buộc bị cáo Đỗ Thị Thu H phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 22.937.000 đồng án phí dân sự.

[5] Quyền kháng cáo bản án: Bị cáo, những người tham gia tố tụng có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ khi nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật Thi hành án dân sự, thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa T Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật Thi hành án dân sự ; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- CA, VKS, Cục THA tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở Tư pháp Hà Tĩnh;
- PV 27- Công an tỉnh Hà Tĩnh;
- PC 45 Công an tỉnh Hà Tĩnh;
- Bị cáo; bị hại;
- Luật sư;
- Người liên quan;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Đình Thông